

EFFECTIVENESS OF APPLICATION ONLINE TREATMENT INFORMATION SUMMARY FORM AT HO CHI MINH CITY EYE HOSPITAL

Le Trung Hieu^{1*}, Pham Thi Thuy Tien¹, Huynh Tan Tien²,
Nguyen Thi Thanh Phuong¹, Vu Cam Hong¹, Hoang Thi Minh¹, Nguyen Truc Anh¹

¹Ho Chi Minh City Eye Hospital – 280 Dien Bien Phu, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City
²Hong Bang International University – 215 Dien Bien Phu, Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City

Received: 24/07/2024

Revised: 26/08/2024; Accepted: 23/12/2024

ABSTRACT

Ho Chi Minh Eye Hospital has digitized the Online Treatment Information Summary Form to create conditions for patients to update their knowledge about the disease and participate with doctors in the treatment process.

Purposes: Evaluate the effectiveness of using online treatment information summary sheets at the Eye Hospital in 2023

Methods: A descriptive cross-sectional study analyzed 662 patients with eye disease treatments who were discharged from the hospital and returned for follow-up examinations at the Eye Hospital to evaluate the effectiveness of applying the Online Treatment Information Summary Form for patients instituted in 2023.

Results: There were 87.5% of people know how to use the Summary Form, 72.2% of them having knowledge, 73.3% having a positive attitude, and 70.8% practicing good health care after consulting the Summary Form. We found a statistically significant relationship between a number of factors and knowledge, attitudes, and health care practices after eye patients consulted the Online Treatment Information Summary Form: group, age, education level, occupation, living area, economic status, treatment indications, and frequency of hospitalization for treatment during the year.

Conclusion: It is necessary to maintain communication work to raise awareness among patients about the importance of the Online Treatment Information Summary Form.

Keywords: Online Treatment Information Summary Form.

*Corresponding author

Email: hieutrunglebvm2018@gmail.com **Phone:** (+84) 766539868 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i1.1911**

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG PHIẾU TÓM TẮT THÔNG TIN ĐIỀU TRỊ TRỰC TUYẾN TẠI BỆNH VIỆN MẮT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Trung Hiếu^{1*}, Phạm Thị Thủy Tiên¹, Huỳnh Tấn Tiên²,
Nguyễn Thị Thanh Phương¹, Vũ Cẩm Hồng¹, Hoàng Thị Minh¹, Nguyễn Trúc Anh¹

¹Bệnh viện Mắt thành phố Hồ Chí Minh - 280 Điện Biên Phủ, P. Võ Thị Sáu, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Đại học Quốc Tế Hồng Bàng - 215 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 24/07/2024

Chỉnh sửa ngày: 26/08/2024; Ngày duyệt đăng: 23/12/2024

TÓM TẮT

Phiếu tóm tắt thông tin điều trị (TTTTĐT) để tạo điều kiện cho người bệnh cập nhật kiến thức về bệnh và tham gia cùng bác sĩ trong quá trình điều trị.

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả sử dụng phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến tại Bệnh viện Mắt năm 2023

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích trên 662 người bệnh điều trị các bệnh về mắt đã xuất viện và quay lại tái khám tại bệnh viện nhằm đánh giá hiệu quả áp dụng Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến năm 2023.

Kết quả: Có 87,5% người biết sử dụng Phiếu tóm tắt, có 72,2% người đạt kiến thức, 73,3% người có thái độ tích cực và 70,8% người thực hành tốt về chăm sóc sức khỏe sau khi tham khảo Phiếu tóm tắt. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê đến kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc sức khỏe bao gồm: nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, khu vực sinh sống, tình trạng kinh tế, chỉ định điều trị, tần suất nằm viện để điều trị trong năm.

Kết luận: Cần phải duy trì công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho người bệnh về tầm quan trọng của Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến.

Từ khóa: Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình điều trị, việc người bệnh được cung cấp thông tin điều trị là rất cần thiết, hỗ trợ điều trị hiệu quả, giúp họ tự theo dõi, nắm bắt kịp thời diễn biến của bệnh. Theo Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 quy định cung cấp thông tin trong quá trình điều trị là quyền chính đáng của người bệnh [1]. Tại Bệnh viện Mắt, 100% các khoa lâm sàng đã xây dựng “Phiếu tóm tắt thông tin điều trị” cho các bệnh thường gặp. Tuy nhiên, những thông tin này chưa được cập nhật định kỳ, khi thay đổi hướng dẫn chẩn đoán, điều trị. Câu hỏi nghiên cứu đặt ra: việc áp dụng Phiếu TTTTĐT trực tuyến có hữu dụng khi đem lại kiến thức chẩn đoán, điều trị cho người bệnh? Tỷ lệ kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc sức khỏe của người bệnh sau khi tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến tại nhà?

Nghiên cứu “Đánh giá hiệu quả áp dụng Phiếu TTTTĐT trực tuyến tại Bệnh viện Mắt” thông qua làm rõ mục

tiêu: *Xác định tỷ lệ sử dụng Phiếu TTTTĐT trực tuyến của người bệnh mắt và kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc sức khỏe của người bệnh mắt sau khi tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến và một số yếu tố liên quan.*

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích, thực hiện từ 01/12/2022 đến 01/09/2023.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Người bệnh hoặc thân nhân của người bệnh đã điều trị các bệnh về mắt đến tái khám tại phòng khám ngoại trú các khoa lâm sàng thuộc Bệnh viện Mắt, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Tác giả liên hệ

Email: hieutrunglebvm2018@gmail.com Điện thoại: (+84) 766539868 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i1.1911>

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Người bệnh hoặc thân nhân ≥ 18 tuổi và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Người bệnh hoặc thân nhân đã được cung cấp thông tin và từng sử dụng Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến của Bệnh viện Mắt; Người bệnh đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Người không biết chữ, là người nước ngoài, gặp khó khăn trong giao tiếp như: câm, điếc.

2.3. Kỹ thuật lấy mẫu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện để chọn người bệnh hoặc thân nhân đã điều trị các bệnh về mắt đến tái khám tại phòng khám ngoại trú các khoa lâm sàng.

Áp dụng công thức ước lượng cỡ mẫu cho một tỷ lệ:

$$n = 1,96^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n là cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu;

Z: hệ số tin cậy (Z=1,96);

p: Tỷ lệ người bệnh sử dụng hiệu quả Phiếu TTTTĐT trực tuyến để chăm sóc sức khỏe. Do chưa có nghiên cứu trước đây với cùng chủ đề để tham khảo nên chúng tôi chọn $p = 0.5$;

d: Sai số cho phép $d = 0.04$.

Cỡ mẫu tối thiểu cần cho nghiên cứu là 601 người. Chúng tôi đã dự trừ thêm 10% cỡ mẫu nhằm tránh mất mẫu nghiên cứu do phiếu thông tin không có giá trị (thiếu thông tin, thông tin không logic),... Chính vì vậy, $n = 662$ người.

2.4. Tiêu chí đánh giá

Đánh giá hiệu quả sử dụng Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến: Tổng điểm hiệu quả sử dụng Phiếu TTTTĐT trực tuyến tối đa là 12 điểm, tham khảo nghiên cứu của Maria Magdalena Bujnowska-Fedak [2] chúng tôi áp dụng điểm cắt để đánh giá ở mức 50%, người bệnh hoặc thân nhân biết sử dụng hiệu quả Phiếu TTTTĐT trực tuyến khi có tổng số điểm từ 06 điểm trở lên và không biết khi có tổng số điểm từ 00-05 điểm.

Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành chăm sóc sức khỏe của người bệnh mắt: Tổng điểm tối đa của kiến thức là 33 điểm, thái độ là 16 điểm và thực hành là 12 điểm. Nghiên cứu áp dụng điểm cắt để đánh giá ở mức 50%, tham khảo nghiên cứu của Dip Chand, MSc (2022) mức độ kiến thức, thái độ, thực hành được đánh giá bằng cách sử dụng điểm giới hạn của Bloom đã sửa đổi, điểm từ 50% trở lên là biểu thị kiến thức, thái độ, thực hành đạt [3]. Khi người bệnh hoặc thân nhân có tổng điểm $\geq 50\%$ số điểm tối đa thì sẽ có kiến thức đạt (> 16 điểm) hoặc thái độ tích cực (≥ 08 điểm) hoặc thực hành tốt (≥ 06 điểm).

2.5. Vấn đề y đức

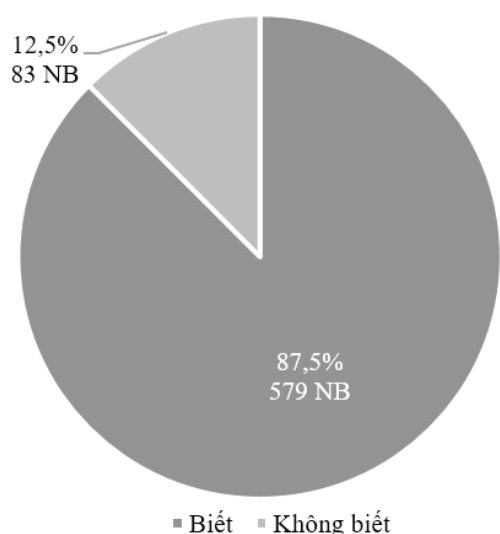
Nghiên cứu tuân theo các nguyên tắc y đức của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học trường đại học Quốc Tế Hồng Kông (số 33/PCT-HĐĐĐ ngày 05 tháng 03 năm 2023).

3. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1. Tình hình sử dụng Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến (n=662)

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Truy cập vào trang Phiếu TTTTĐT trực tuyến	Có	618	93,4
	Không	44	6,6
Tần suất truy cập trong mỗi đợt điều trị gần nhất	Ít hơn một lần một ngày	254	38,3
	Một lần một ngày	252	38,1
	Hơn một lần một ngày	156	23,6
Biết nội dung Phiếu TTTTĐT trực tuyến	Thông tin về bệnh	547	82,6
	Nguyên nhân/tác nhân gây bệnh	340	51,4
	Triệu chứng cơ năng của bệnh	180	27,2
	Triệu chứng lâm sàng của bệnh	256	38,7
	Hướng dẫn cách nhỏ thuốc đúng	307	46,4
Tính sử dụng của Phiếu TTTTĐT trực tuyến	Dễ sử dụng	449	67,8
	Không dễ sử dụng	213	32,2
Phiếu TTTTĐT trực tuyến cung cấp những thông tin hữu ích	Có	537	81,1
	Không	125	18,9
Bổ sung thông tin nội dung cho Phiếu TTTTĐT trực tuyến	Có	169	25,5
	Không	493	74,5
Tiếp tục theo dõi thông tin và các hướng dẫn về chăm sóc sức khỏe sau khi xuất viện	Có	374	56,5
	Không	288	43,5

Người bệnh truy cập vào trang “Phiếu tóm tắt thông tin điều trị” (93,4%). Nội dung “thông tin về bệnh” trên Phiếu TTTTĐT được người bệnh biết đến chiếm 82,6%, 51,4% biết nguyên nhân/tác nhân bệnh, 46,4% biết hướng dẫn cách nhỏ thuốc đúng, 38,7% biết triệu chứng lâm sàng của bệnh, chỉ có 27,2% biết triệu chứng cơ năng của bệnh. Hơn một nửa người bệnh cho rằng Phiếu TTTTĐT dễ sử dụng (67,8%) và 81,1% cho biết phiếu này cung cấp những thông tin hữu ích. Có 74,5% người bệnh cho rằng không cần bổ sung thông tin, nội dung cho Phiếu TTTTĐT, 56,5% cần tiếp tục theo dõi thông tin và các hướng dẫn về chăm sóc sức khỏe sau khi xuất viện.



Hình 1. Tỷ lệ người bệnh mắt biết sử dụng hiệu quả Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến.

Kết quả, có 87,5% người bệnh mắt biết sử dụng hiệu quả Phiếu TTTTĐT trực tuyến.

Bảng 2. Phân bố tỷ lệ người bệnh mắt đạt kiến thức chăm sóc sức khỏe sau khi tham khảo Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến.

		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn
Kiến thức	Đạt (> 16 điểm)	478	72,2	18,76±3,37
	Không đạt (≤ 16 điểm)	184	27,8	
Thái độ	Tích cực (≥ 08 điểm)	485	73,3	8,73±3,14
	Không tích cực (<08 điểm)	177	26,7	
Thực hành	Tốt (≥ 06 điểm)	469	70,8	6,79 ± 1,97
	Không tốt (<06 điểm)	193	29,2	

Tỷ lệ đạt kiến thức là 72,2%, có thái độ tích cực là 73,3%, thực hành tốt là 70,8%.

Bảng 3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức chăm sóc sức khỏe sau khi người bệnh mắt tham khảo Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến.

Đặc điểm	Kiến thức		OR 95%CI	P
	Đạt (n,%)	Không đạt (n,%)		
Tuổi				
> 40 tuổi (*)	236 (68,6)	108 (31,4)	1,46 (1,03-2,05)	0,031
≤ 40 tuổi	242 (76,1)	76 (23,9)		
Trình độ học vấn				
< THPT (*)	120 (65,6)	63 (34,4)	1,55 (1,08-2,24)	0,019
≥ THPT	358 (74,7)	121 (25,3)		
Khu vực sinh sống				
Các tỉnh thành khác (*)	277 (68,9)	125 (31,1)	1,54 (1,07-2,2)	0,018
TP.HCM	201 (77,3)	59 (22,7)		
Chỉ định điều trị				
Điều trị/ Chăm sóc y tế (*)	139 (66,2)	71 (33,8)	1,53 (1,07-2,19)	0,019
Phẫu thuật	339 (75,0)	113 (25,0)		
Tần suất nằm viện điều trị trong năm				
1-2 lần (*)	380 (70,1)	162 (29,9)	1,9 (1,16-3,12)	0,011
> 2 lần	98 (81,7)	22 (18,3)		

(*) Nhóm so sánh

Kết quả phân tích cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, trình độ học vấn, khu vực sinh sống, chỉ định phẫu thuật mắt với tỷ lệ đạt kiến thức chăm sóc sức khỏe (CSSK) sau khi họ tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến; cụ thể: những người bệnh mắt từ 40 tuổi trở xuống có tỷ lệ đạt kiến thức CSSK sau khi tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến cao hơn 1.46 lần những người trên 40 tuổi (95%CI: 1,03-2,05; p = 0,031); những người bệnh mắt có học vấn từ trung học phổ thông trở lên có tỷ lệ đạt kiến thức CSSK cao hơn 1.55 lần những người dưới trung học phổ thông (95%CI: 1,08-2,24; p = 0,019); người bệnh sinh sống ở Thành phố HCM có tỷ lệ đạt kiến thức CSSK cao hơn 1,54 lần những người sống ở các tỉnh thành khác (95%CI: 1,07-2,2; p = 0,018); người bệnh được chỉ định phẫu thuật có tỷ lệ đạt kiến thức CSSK cao hơn 1,53 lần so với những người được chỉ định chăm sóc y tế (95%CI: 1,07-2,19; p = 0,019).

Bảng 4. Các yếu tố liên quan đến thái độ chăm sóc sức khỏe sau khi người bệnh mắt tham khảo Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến.

Đặc điểm	Thái độ		OR 95%CI	P
	Tích cực (n,%)	Không tích cực (n,%)		
Trình độ học vấn				
< THPT (*)	121 (66,1)	62 (33,9)	1,62 (1,12-2,35)	0,01
≥ THPT	364 (76,0)	115 (24,0)		
Tham gia bảo hiểm y tế				
Có (*)	271 (69,1)	121 (30,9)	1,71 (1,19-2,46)	0,004
Không	214 (79,3)	56 (20,7)		

(*) Nhóm so sánh

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa trình độ học vấn, tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) và tình trạng kinh tế của người bệnh với thái độ chăm sóc sức khỏe sau khi họ tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến, cụ thể: người bệnh có học vấn từ trung học phổ thông trở lên có thái độ tích cực CSSK cao hơn 1,62 lần những người dưới trung học phổ thông (95%CI: 1,12-2,35; p = 0,01); người bệnh không tham gia BHYT có thái độ tích cực CSSK cao hơn 1,71 lần những người có tham gia (95%CI: 1,19 – 2,46; p = 0,004).

Bảng 5. Các yếu tố liên quan đến thực hành chăm sóc sức khỏe sau khi người bệnh mắt tham khảo Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến

Đặc điểm	Thực hành		OR 95%CI	P
	Tốt (n,%)	Không tốt (n,%)		
Giới tính				
Nam (*)	205 (66,6)	103 (33,4)	1,47 (1,05-2,06)	0,024
Nữ	264 (74,6)	90 (25,4)		
Tham gia bảo hiểm y tế				
Không (*)	179 (66,3)	91 (33,7)	1,45 (1,03-2,03)	0,033
Có	290 (74,0)	102 (26,0)		
Chỉ định điều trị				
Điều trị/Chăm sóc y tế (*)	135 (64,3)	75 (35,7)	1,57 (1,11-2,24)	0,011
Phẫu thuật	334 (73,9)	118 (26,1)		
Tần suất nằm viện điều trị trong năm				
1-2 lần (*)	369 (68,1)	173 (31,9)	2,34 (1,4-3,92)	0,001
> 2 lần	100 (83,3)	20 (16,7)		

(*) Nhóm so sánh

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa giới tính, tham gia BHYT, chỉ định điều trị và tần suất nằm viện điều trị trong năm của người bệnh với việc thực hành CSSK sau khi họ tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến, cụ thể: người bệnh tham gia BHYT có tỷ lệ thực hành tốt CSSK cao hơn 1,45 lần những người không tham gia (95%CI: 1,03 – 2,03; p = 0,033). Những người bệnh nữ có tỷ lệ thực hành tốt CSSK cao hơn 1,47 lần so với nam (95%CI: 1,05 – 2,06; p = 0,024); người bệnh nằm viện điều trị trong năm > 02 lần có tỷ lệ thực hành tốt CSSK cao hơn 2,34 lần những người nằm viện điều trị trong năm từ 01-02 lần (95%CI: 1,4-3,92; p = 0,001); người bệnh mắt được chỉ định phẫu thuật có tỷ lệ thực hành tốt CSSK cao hơn 1,57 lần những người được chỉ định chăm sóc y tế (95%CI: 1,11-2,24; p = 0,011).

4. BÀN LUẬN

Có đến 93,4% người tham gia nghiên cứu đều biết về “Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến”; trong khi đó có tới 32,2% người bệnh cho rằng “Phiếu TTTTĐT không dễ sử dụng là do chưa quen việc ứng dụng công nghệ. Người bệnh chỉ quan tâm đến thông tin chung về bệnh, trong khi đó, triệu chứng cụ thể của bệnh thường bị bỏ sót và phần quan trọng nhất là nội dung về hướng dẫn nhỏ thuốc cũng chỉ đạt 46,4%. Có 81,1% người bệnh cho rằng Phiếu TTTTĐT có hữu ích. Điều này hợp lý vì thông qua Phiếu TTTTĐT người bệnh có thể biết được và tự theo dõi được quá trình điều trị. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận có đến 87,5% người bệnh biết sử dụng hiệu quả Phiếu TTTTĐT trực tuyến. Đây cũng là một kết quả tốt và nhận được sự ủng hộ từ người bệnh và thân nhân đến khám và điều trị tại bệnh viện.

Một nghiên cứu đánh giá hiệu quả Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến tại Bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang cũng cho thấy nhiều hạn chế [4]. Những rào cản này có thể khiến cho tần suất truy cập vào Phiếu TTTTĐT trực tuyến của người tham gia nghiên cứu không thường xuyên hoặc tiếp thu thông tin chưa được chính xác và đầy đủ.

Đánh giá về kiến thức chung cho thấy có 72,2% tỷ lệ đạt với số điểm trung bình là 18,76/33 điểm. Mức kiến thức của người bệnh nằm ở mức trung bình - cao. So với một vài nghiên cứu tương đồng tại về kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc mắt thì kết quả này vẫn còn thấp như nghiên cứu cắt ngang ở Oman về chăm sóc mắt trên người bệnh tiểu đường, cho kết quả kiến thức tốt lên đến hơn 80% [5], [6]. Một nghiên cứu ở Việt Nam về kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc răng miệng thì chỉ có 16,6% đạt kiến thức tốt, thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ chăm sóc mắt trong nghiên cứu của chúng tôi [7]. Một nghiên cứu cắt ngang ở Trung Quốc năm 2022 về kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc răng ở các người bệnh bệnh nha chu cho kết quả kiến thức đạt 72,5% [8]. Kết quả cho thấy có 73,3% người tham gia nghiên cứu có thái độ chăm sóc sức khỏe tích cực sau

khi tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến của Bệnh viện Mắt. Tuy nhiên điểm trung bình chỉ đạt 8,73/16 điểm. Điều này cho thấy, thái độ tích cực này chỉ nằm ở mức trung bình. Tỷ lệ người tham gia khảo sát có phần thực hành chăm sóc mắt tại nhà sau khi tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến là 70.8% đạt mức độ tốt.

Chúng tôi tìm thấy mối liên quan giữa tuổi và kiến thức chăm sóc sức khỏe khi người bệnh tham khảo Phiếu TTTTĐT trực tuyến. Cụ thể, nhóm từ 40 tuổi trở xuống có kiến thức cao gấp 1,46 lần so với nhóm từ 40 tuổi trở lên. Điều này có thể do nhóm tuổi càng trẻ thì càng sử dụng công nghệ thông tin nhiều hơn, do đó cũng dễ tiếp cận với Phiếu tóm tắt thông tin điều trị trực tuyến, từ đó có kiến thức tốt hơn. Kết quả cũng cho thấy nhóm có trình độ học vấn từ trung học phổ thông trở lên có kiến thức đạt gấp 1,55 lần so với nhóm có trình độ học vấn dưới trung học phổ thông. Nhiều nghiên cứu tương đồng cũng tìm ra mối liên quan này, Trong nghiên cứu của tác giả Zamadonda X.K và cộng sự (2021) về kiến thức, thái độ và thực hành về sức khỏe mắt giữa các nhân viên y tế mắt khu vực công ở Nam Phi, kết quả cho thấy nhóm nhỏ hơn 30 tuổi và nhóm có trình độ học vấn càng cao thì có kiến thức về chăm sóc mắt tốt hơn nhóm còn lại [6].

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có mối liên quan giữa nơi sinh sống và kiến thức. Cụ thể, nhóm người bệnh cư trú tại TP.HCM có tỷ lệ kiến thức đạt cao gấp 1,54 lần so với nhóm sinh sống ở tỉnh khác, Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất khu vực phía Nam Việt Nam, có nhiều bệnh viện lớn và truyền thông về y tế cũng phát triển tốt hơn so với những tỉnh thành khác, Từ đó, người bệnh có thể được nhận sự hỗ trợ tốt nhất về y tế cũng như được cung cấp đầy đủ kiến thức về chăm sóc mắt khi đi khám mắt. Từ đó, kiến thức của họ cũng cải thiện và tốt hơn. Một nghiên cứu đã chứng minh rằng, những người bệnh có tình trạng bệnh nặng hơn có xu hướng tìm kiếm thông tin về sức khỏe nhiều hơn [9]. Do đó, trong nghiên cứu của chúng tôi cũng ghi nhận rằng, nhóm người bệnh chỉ định điều trị phẫu thuật có kiến thức đạt cao hơn 1,53 lần so với nhóm không cần phẫu thuật. Nghiên cứu cũng tìm thấy mối liên quan giữa tần suất nằm viện điều trị trong năm và kiến thức chăm sóc mắt của người bệnh.

5. KẾT LUẬN

Với những kết quả tìm thấy chúng tôi đưa ra cần chú ý hướng dẫn về phiếu Phiếu TTTTĐT trực tuyến cho các đối tượng khác như thân nhân của người bệnh nâng tỷ lệ biết về Phiếu TTTTĐT trực tuyến từ 87,5% lên 100%.

Tăng cường tuyên truyền và giáo dục sức khỏe cho người dân về lợi ích của việc sử dụng Phiếu TTTTĐT trực tuyến đặc biệt với các đối tượng người cao tuổi để cải thiện kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc sức khỏe mắt tại nhà sau khi xuất viện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc hội khóa 15, "Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội khóa 12 về Khám bệnh, chữa bệnh," Hà Nội, 2009.
- [2] Bujnowska-Fedak MM, Wegierek P, "The Impact of Online Health Information on Patient Health Behaviours and Making Decisions Concerning Health," *International Journal of Environmental Research and Public Health*, vol. 17, no. 3, p. 880, 2020.
- [3] Chand D, Mohammadnezhad M & Khan S, "Levels and Predictors of Knowledge, Attitude, and Practice Regarding the Health Hazards Associated With Barber's Profession in Fiji," *The Journal of Health Care*, p. 59:469580221100148, 2022.
- [4] Phạm Ngọc Trung, Nguyễn Văn Sinh, Phạm Hoàng Nam và cộng sự, "Đánh giá hiệu quả áp dụng phiếu tóm tắt thông tin điều trị tại một số khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa tỉnh An Giang năm 2018," *Bệnh viện Đa khoa tỉnh An Giang*, pp. 307-313, 2018.
- [5] Pawar N, Ravindran M, Fathima A, Ramakrishnan K, et al, "Assessment of parental awareness about pediatric visual problems by Knowledge-Attitude-Practice survey in South India," *Indian J Ophthalmol*, vol. 71, no. 5, pp. 2175-2180, 2023.
- [6] Zamadonda X.K, Mashige K, Naidoo K, "Knowledge, Attitudes and Practices of Eye Health among Public Sector Eye Health Workers in South Africa," *International Journal of Environmental Research and Public Health (IJERPH)*, vol. 18, no. 23, p. 12513, 2021.
- [7] Osborn C Y, Mayberry L S, Wallston K A, Johnson K B, & Elasy T A, "Understanding patient portal use: implications for medication management," *Journal of medical Internet research*, Vols. 15 (7), e2589, 2013.
- [8] Sun J, Tong D, Sun C, Wang X, et al, "Knowledge, attitude, and practice toward self-control of dental plaque among patients with periodontal diseases: a cross-sectional study," *BMC Oral Health*, vol. 23, no. 1, p. 628, 2023.
- [9] Diaz J.A, Griffith R.A, Ng J.J, Reinert S.E, et al, "Patients' Use of the Internet for Medical Information," *Journal of General Internal Medicine*, pp. 180-185, 2002.